

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-4-2023  
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Nguyễn Phương Ch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị N
2. Bà Nguyễn Ngọc Nh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1979

Nơi đăng ký HKTT: ấp Thận Cần, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An

Nơi cư trú: ấp 6, xã Tân Th, huyện Tân T, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* ông Huỳnh Minh D, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: ấp Thận Cần, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Bà S có mặt tại phiên tòa; ông D vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S trình bày: bà và ông Huỳnh Minh D chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An vào ngày 30/11/2005. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông D không chăm lo làm ăn mà cứ mãi ăn chơi và có quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác. Nhiều lần bà bị ông D đánh đập rất dã man đến nỗi phải nhờ sự trợ giúp của y tế. Đến nay bà không còn chịu đựng nổi tính cách và thói vũ phu của chồng. Nay bà xét thấy hôn nhân không còn hạnh

phúc, vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Minh D.

- Về con chung: bà và ông D có 03 con chung:

1/ Huỳnh Thị Yến L, sinh ngày 19/4/1996

2/ Huỳnh Minh Kh, sinh ngày 20/3/1999

3/ Huỳnh Minh Nh, sinh ngày 10/01/2005

Các con chung hiện nay đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo bản tự khai ngày 20/3/2023, bị đơn là ông Huỳnh Minh D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An vào năm 2005. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Ông và bà S đã ly thân nhiều tháng nay. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà S.

- Về con chung: ông và bà S có 03 con chung:

1/ Huỳnh Thị Yến L, sinh ngày 19/4/1996

2/ Huỳnh Minh Kh, sinh ngày 20/3/1999

3/ Huỳnh Minh Nh, sinh ngày 10/01/2005

Các con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày, bị đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Thị S với bị đơn Huỳnh Minh D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Minh D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà S và ông D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An vào ngày 30/11/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà S thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không chăm lo làm ăn, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đánh đập bà S.

Còn ông D cũng trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Do có nhiều mâu thuẫn nên bà S và ông D đã ly thân hơn hai năm nay. Tại phiên tòa, bà S trình bày trong thời gian ly thân, bà S và ông D không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có thiện chí, giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà S không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Theo lời khai của ông D tại bản tự khai ngày 20/3/2023 thì ông D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn của bà S và ông D quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà S và ông D có ba con chung tên: Huỳnh Thị Yến L, sinh ngày 19/4/1996, Huỳnh Minh Kh, sinh ngày 20/3/1999, Huỳnh Minh Nh, sinh ngày 10/01/2005. Bà S và ông D trình bày các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Huỳnh Minh D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số 0004385 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí, bà S không phải nộp thêm. Ông Huỳnh Minh D không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Nguyễn Phương Ch**